TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **17** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 / 9/ 2018
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Bảo**.
Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Y Manh Adrơng**; **2/ Bà Trần Thị Thúy**.

- Thư ký phiên tòa: **Ông Đỗ Xuân Cường**; chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân huyện EaH'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên toà: **Ông Hồ Quang Phúc**; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2018 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 242/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/8/2018 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nay H'S, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Buôn Kr, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.
2/ Bị đơn: Ông Ksơr Y N (Ksơr N), sinh năm 1980.
Địa chỉ: Buôn Kr, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk - Có măt.

Người phiên dịch: Ông Y SM Niê KĐăm – Có mặt.
Địa chỉ: Buôn TM, xã PD, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày**: Bà với ông Ksơr Y N (Ksơr N) chung sống từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông Ksơr Y N không có trách nhiệm với gia đình, hơn nữa ông Y N thường xuyên uống rượu nên không làm chủ bản thân hay gây sự với vợ con. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, do vậy sống ly thân từ năm 2011. Nay, tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với anh Ksơr Y N (Ksơr N).

Bà với ông Ksơr Y N có 04 con chung, cháu **Nay Y T**, sinh ngày 02/4/2000; cháu **Nay Y Th**, sinh ngày 11/10/2003; cháu **Nay Y L**, sinh ngày 16/9/2005 và cháu **Nay H'TM**, sinh ngày 30/02/2009. Các con chung phát triển bình thường, hiện tại

cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM chưa đủ 18 tuổi và bà Nay H'S đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Ksơr Y N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung, tuy nhiên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày**: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung ông đồng ý với lời khai của nguyên đơn nên không bổ sung lời khai. Nay, tình cảm không còn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nay H'S. Về con chung, ông đồng ý giao 03 con chung chưa đủ 18 tuổi cho bà Nay H'S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các các chung đủ 18 tuổi và ông không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nay H'S với ông Ksơr Y N; Giao cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM cho bà Nay H'S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Ksơr Y N (Ksơr N) không phải cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết về nuôi dưỡng con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Nay H'S với ông Ksơr Y N (Ksơr N) chung sống với nhau, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật công nhận. Mâu thuẫn giữa bà Nay H'S với ông Y N trầm trọng và thực tế đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay và các đương sự đều đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nay H'S.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Bà Nay H'S với ông Ksơr Y N (Ksơr N) có 04 con, các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM chưa đủ 18 tuổi. Các đương sự thống nhất về việc giao các con chung chưa đủ 18 tuổi cho bà Nay H'S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và ông Ksơr Y N không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM nên chấp

nhận.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nay H'S chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nay H'S.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nay H'S với ông Ksơr Y N (Ksơr N).

Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu **Nay Y Th**, sinh ngày 11/10/2003; cháu **Nay Y L**, sinh ngày 16/9/2005 và cháu **Nay H'TM**, sinh ngày 30/02/2009 cho bà Nay H'S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM đủ 18 tuổi.

Ông Ksơr Y N (Ksơr N) không phải cấp dưỡng nuôi các con Nay Y Th, Nay Y L và Nay H'TM cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Ksơr Y N (Ksơr N) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nay H'S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004295 ngày 27/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Bảo

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Đương sự;*
- . . . . . ;
- *Lưu hồ sơ.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Bảo

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện CưM'gar;*
- *Chi cục THADS huyện CưM'gar;*
- *Đương sự;*
- . . . . . ;
- *Lưu hồ sơ.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bà với ông Dũng có 03 con chung, cháu **Trần Thị Vân**, sinh năm 1994; cháu **Trần Thị Anh**, sinh năm 1996 và cháu **Trần Đàm Long Giang**, sinh ngày 20/4/2008. Các con phát triển bình thường, hiện tại cháu Giang sống cùng bà. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giang và yêu cầu ông Dũng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Giang với mức 800.000đ/tháng cho đến khi cháu Giang đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Long, huyện Yên Lập, tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, bà Hợp bỏ đi khỏi nơi cư trú cho đến nay không tin tức xác thực về việc còn sống hoặc đã chết và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Từ khi tuyên bố mất tích đến nay, ông không nhận được tin tức về bà Hợp, nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Hợp.

Về con chung: Có 05 con chung, cụ thể cháu **Bùi Thị Cảnh**, sinh năm 1991; cháu **Bùi Thị Dung**, sinh năm 1995; cháu **Bùi Thị Thanh**, sinh năm 1997; cháu **Bùi Văn Bình**, sinh năm 1999 và cháu **Bùi Văn Long**, sinh ngày 21/7/2000. Các con chung phát triển bình thường, hiện tại cháu Long chưa đủ 18 tuổi và ông đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.Nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Long cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:Đối với Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên,. . . . . Tại phiên toà, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật.Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

cho ông Bùi Văn Yêu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hợp và giao cháu Long cho ông Yêu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hợp bị tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Ông Bùi Văn Yêu và bà Nguyễn Thị Hợp đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày một trầm trọng nên từ năm 2014 đến nay bà Hợp bỏ đi khỏi địa phương. Năm 2017, ông Yêu đề nghị tuyên bố bà Hợp mất tích và đã được chấp nhận theoQuyết định giải quyết việc dân sự số: 04/2017/QĐST-VDS ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Kể từ khi bị tuyên bố mất tích đến nay không có tin tức xác thực về việc bà Hợp còn sống hoặc đã chết. Như vậy, thực tế hôn nhân giữa ông Yêu với bà Nguyễn Thị Hợp không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hợp là có căn cứ nên chấp nhận.

Về nuôi con chung: Ông Yêu với bà Nguyễn Thị Hợp có 05 con, các con chung phát triển bình thường. Hiện tại cháu **Bùi Văn Long**, sinh ngày 21/7/2000 chưa đủ 18 tuổi, nguyện vọng ông Yêu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi.Xét thấy,yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Long, hơn nữa ý kiến của cháu Long phù hợp với nguyện vọng của ông Yêu nên cần chấp nhận.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Bùi Văn Yêu nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Yêu.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Bùi Văn Yêu và bà Nguyễn Thị Hợp.

Về nuôi con chung: Giao cháu **Bùi Văn Long**, sinh ngày 21/7/2000cho ông Bùi Văn Yêu trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Hợp có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Bùi Văn Long mà

không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Bùi Văn Yêu phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0042626 ngày 20/9/2017 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Văn Yêu được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Hợp được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI THẨM NHÂN DÂN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Bảo

***Nơi nhận*: TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- *VKSND huyện CưM'gar;*
- *Chi cục THA huyện CưM'gar;*
- *Các đương sự;*
- . . . . . ;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Nguyễn Quốc Bảo